TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

---***---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/DS - ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2021
V/v " Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ H;
Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị L;
2. Bà: Hà Thị H;

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị A — Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 20/2019/TLST – DS, ngày 08/7/2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST – DS ngày 04/11/2021 và 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST – DS, ngày 03/12/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1955(có mặt).
Địa chỉ: Thôn TH 1, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn LT, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đỗ Thị Th – sinh năm 1966(có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2019
Địa chỉ: Thôn LT, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Á – sinh năm 1954(có mặt).
- Bà Nguyễn Thị V – sinh năm 1929.

Đều trú tại: Thôn TH 1, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V: Anh Đỗ Văn G – sinh năm 1977(có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2020.
Địa chỉ: Thôn TH 1, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Ông Lê Vũ T - sinh năm…..(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TN, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/7/2019 và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị S trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp như sau: Gia đình bà có 01 mảnh đất khai hoang từ năm 1987, năm 2002 được UBND huyện Thường Xuân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y567386 với diện tích 2000 m2(đất lâm nghiệp) tại thôn TH 1, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Tứ cận giáp danh như sau: Hướng Bắc giáp hàng bạch đàn của ông Đỗ Minh Phúc, hướng Nam giáp đất ông Phạm Văn Tám, hướng Tây giáp đường liên thôn, hướng Đông giáp đất hộ ông Đỗ Văn Vinh. Năm 2018 anh Nguyễn Văn Th, trú tại thôn LT, xã LT tự ý mang cây vào trồng trên diện tích đất của gia đình bà khoảng 152 m2(chiều ngang 3,8 m, chiều dài khoảng 40 m), trị giá khoảng 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng). Trước sự việc trên bà đã làm đơn yêu cầu UBND xã LT, huyện TX giải quyết nhưng không thành. Cho đến thời điểm hiện nay giữa bà và anh Nguyễn Văn Th không thống nhất được cách giải quyết. Để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà Sáu đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đề nghị giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Th phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà(152 m2) và di dời tài sản là cây cối trên đất tranh chấp.

Tại bản ý kiến và các bản tự khai cũng như các tài liệu, chứng cứ do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Đỗ Thị Th trình bày:

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp: Năm 1995 bố mẹ bà là ông Ph, bà V được UBND huyện Thường Xuân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2015 thì được cấp đổi sang bìa hồng, sau đó bố mẹ bà là ông Đỗ Minh Ph và bà Nguyễn Thị V có tặng cho con trai bà là anh Nguyễn Văn Th 01 thửa đất số 887, tờ bản đồ 26 BĐĐC chính quy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 264112 với diện tích là 546 m2(chiều rộng 14 m, chiều sâu 40 m), trong đó đất ở 300 m2, đất trồng cây lâu năm 246 m2; tứ cận giáp danh như sau: Hướng Bắc giáp đất của ông Đỗ Văn Giáp, hướng Nam giáp đất lâm nghiệp ông Á, bà S, hướng Tây giáp đường liên thôn, hướng Đông giáp đất lâm nghiệp hộ ông Đỗ Minh Phúc, tại thôn TH 1, xã LT, huyện TX. Diện tích đất này được tách ra từ thửa số 250, tờ bản đồ số 26 của ông Ph và bà V, trong phần đất được tặng cho có 01 con đường trước đây gia đình ông Ph, bà V trừ ra làm đường đi để thu hoạch vận chuyển keo, năm 2018 anh Th đã trồng keo vào lối đi này thì gia đình bà Phạm Thị S ngăn cản không cho anh Th trồng keo vào diện tích đất này, sự việc đã được thôn và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà Th cho rằng đất có nguồn gốc của bố mẹ bà sử dụng ổn định, lâu dài không có tranh chấp với ai, năm 2015 đã được bố mẹ bà là ông Ph, bà V tặng cho anh Th theo đúng quy định của pháp luật, năm 2018 anh Th trồng keo thì gia đình bà S ngăn cản cho rằng đất của gia đình bà; bà Th khẳng định diện tích đất anh Th đang sử dụng có nguồn gốc được ông bà ngoại tặng cho, anh Th không lấn chiếm đất như bà S khiếu kiện. Hiện tại đất mặt

đường liên thôn của gia đình bà S đang sử dụng đủ 27 m, cho nên bà S đã có hành vi vu khống con trai bà là anh Nguyễn Văn Th lấn chiếm đất của bà là sai sự thật. Do đó việc khiếu kiện của bà S là không có căn cứ và đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị S.

Tại bản tự khai, bản ý kiến cũng như các tài liệu, chứng cứ của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn G trình bày:

Nguồn gốc đất hiện nay bà Sáu đang khởi kiện tranh chấp của bố mẹ anh là ông Đỗ Minh Ph và bà Nguyễn Thị V, năm 1963 bố mẹ anh định cư lên thôn TH 1, xã LT, huyện TX có khai hoang được 01 mảnh đất nêu trên, sử dụng liên tục ổn định, không tranh chấp với ai. Năm 1995 thì được Ủy ban nhân dân huyện Thường Xuân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2015 thì được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang bìa hồng số: BX 264711, tại thửa số 250, tờ bản đồ số 26 tại thôn TH 1, xã LT, huyện TX với tổng diện tích là 2.511 m2(đất ở 2000 m2, đất trồng cây lâu năm 511 m2); Sau đó ông Ph – bà V có chia(tặng cho) anh Đỗ Văn G 1.965 m2(đất ở 1.700 m2, đất trồng cây lâu năm 265 m2) và anh Nguyễn Văn Th(cháu ngoại) 546 m2(đất ở 300 m2, đất trồng cây lâu năm 246 m2), sau khi anh Nguyễn Văn Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2018 trồng keo vào khu vực đất được tặng cho mà trước đó gia đình ông Ph, bà V dành ra để làm đường lên đồi khai thác keo thì gia đình bà S ngăn cản, nguồn gốc con đường này là đất của bố mẹ anh nằm trong diện tích đất được cấp năm 1995, 2015, thực tế trước đó nhiều năm ông Ph, bà V có cho ông TN mượn để canh tác, sau đó ông TN đã trả lại cho gia đình. Nay bà S lại kiện cháu anh là Nguyễn Văn Th lấn chiếm đất của gia đình là không có căn cứ, vì đất đó là của bố mẹ anh tặng cho anh Nguyễn Văn Th, anh Th không lấn chiếm đất nhà bà S, đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị S.

Tại bản tự khai, bản ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Á trình bày:

Gia đình ông có 01 mảnh đất tại thôn TH 1, xã LT, huyện TX được UBND huyện Thường Xuân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/12/2002 tại tờ bản đồ số 532, thửa số 149(s); có diện tích 2000 m2, đất lâm nghiệp. Tứ cận giáp danh như sau: Phía Bắc giáp hàng bạch đàn gia đình ông Đỗ Minh Phúc; Phía Nam giáp hộ ông Phạm Văn Tám; Phía Tây giáp đường liên thôn; Phía Đông giap hộ ông Đỗ Văn Vinh. Ngày 17/4/2015 UBND huyện Thường Xuân lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn Th thuộc đất tặng cho cháu ngoại của ông Đỗ Minh Phúc theo thửa 887 và thửa 250 tờ bản đồ số 26(Bản đồ đạc địa chính chính quy năm 2008), diện tích cho tặng 546 m2, trong đó đất ở 300 m2, đất vườn 246 m2. Sau đó xảy ra tranh chấp.

Tiếp giáp đất phía Nam của nguyên đơn Phạm Thị S, ngày 28/7/2017 UBND huyện Thường Xuân lại cấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tờ bản đồ số 532, thửa số 958 cho ông Phạm Văn Tám. Diện tích đất thực tế gia đình hiện

nay đang sử dụng là 1499 m2, còn lại 501 m2 đất bay đi đâu, đề nghị Tòa án làm rõ để trả lại công bằng cho bà Phạm Thị S.

Theo ông Đỗ Á thì toàn bộ diện tích của hai thửa đất số 887 và 250 thuộc tờ bản đồ số 26 địa chính chính quy năm 2008 đã được chuyển nhượng cho các hộ Lê Văn Kiên, Đỗ Thị Thảo; Trương Minh Niên, Trịnh Thị Ngà và vợ chồng giáo viên xã Tân Thành; Tổng tiếp giáp mặt đường liên thôn của 03 hộ trên là 20m. Trong thời kỳ 17/4/2015 và 28/7/2017 hai mặt Bắc, Nam của gia đình nguyên đơn Phạm Thị S, địa chính xã Luận Thành và UBND huyện Thường Xuân đã cấp chồng lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ số 532, thửa số 149(s) của gia đình ông, ông đề nghị Tòa án lấy lại đủ 2000 m2 đất lâm được cấp trước đây cho nguyên đơn Phạm Thị S.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2021 người làm chứng ông Lê Vũ T trình bày:

Diện tích đất đanh tranh chấp giữa gia đình bà Phạm Thị S với anh Nguyễn Văn Th có nguồn gốc là của gia đình ông Ph, bà V, khu vực này trước đây còn gọi là đồi ông Ph, do trước đây gia đình ông Ph khai hoang; Trước năm 1985 thì ông có hỏi mượn ông Ph, bà V 01 mảnh đất(bao gồm cả con đường đi là diện tích đất hiện nay đang tranh chấp) để trồng hoa màu, đến năm 1985 do không có nhu cầu sử dụng nữa nên ông đã trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông Ph, bà V.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và làm việc với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thường Xuân:

Quá trình Tòa án đến thực địa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì bà Phạm Thị S, có chỉ dẫn diện tích đất gia đình đang sử dụng thì không chính xác, theo chỉ dẫn của bà S thì diện tích đất bà S chỉ cho đoàn công tác lấn sang phần đất của ông Phạm Văn Tám khoảng 5 m mặt tiền, sau khi đoàn công tác mời ông Phạm Văn Tám đến để xác định vị trí giáp danh thì diện tích đất lâm nghiệp của bà Phạm Thị S đo được thực tế là 1.449 m2(Tây 27,7 m; Đông 22 m; Bắc 40 m; Nam 66 m) diện tích đất của anh Đỗ Văn G đang sử dụng thực tế là 1961 m2; Diện tích đất anh Nguyễn Văn Th đang sử dụng thực tế là 546 m2.

Theo báo cáo của UBND xã Luận Thành, huyện Thường Xuân thì vào năm 2016 đoàn đo đạc của tỉnh Thanh Hóa tiến hành đo đạc bằng máy định vị tại thửa số 147, tờ bản đồ số 532 của gia đình bà S có diện tích 1802,8 m2(Tây 27,21 m; Đông 24,41 m; Bắc 38,13 m; Nam 67,23 m) thuộc đất rừng sản xuất.

Tại Công văn trả lời số 563/CV – CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Thường Xuân trả lời "Sau khi rà soát, kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Thường Xuân, hiện tại không tìm thấy hồ sơ gốc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 149, tờ bản đồ số 532 cấp năm 2002, do thời điểm cấp giấy cho bà Phạm Thị S công tác lưu trữ chưa chặt chẽ, quá trình di chuyển kho nhiều lần dẫn đến thất lạc hồ sơ".

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và đúng thời hạn; xác định đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại phiên tòa đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa diễn ra đúng các thủ tục quy định.

- Đối với việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa được quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án đề nghị tuyên xử: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thực hiện đúng trình tự pháp luật quy định. Anh Nguyễn Văn Th được ông bà ngoại tặng cho đất theo quy định của pháp luật và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không lấn chiếm đất của hộ bà Phạm Thị S. Bà S cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh anh Nguyễn Văn Th có hành vi lấn chiếm đất của gia đình bà nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trú tại xã LT, huyện TX nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa được quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Đỗ Minh Ph và bà Nguyễn Thị V khai hoang từ những năm 1963, sử dụng ổn định, lâu dài không có tranh chấp, năm 1995 được UBND huyện Thường Xuân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; năm 2015 được cấp đổi sang bìa hồng số BX 264711, thửa số 250, tờ bản đồ số 26, diện tích 2511 m2(đất ở 2000 m2, đất trồng cây lâu năm 511 m2) tại thôn TH 1, xã LT, huyện TX, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Phúc, bà Vạn đã làm thủ tục tách bìa tặng cho con trai là anh Đỗ Văn G diện tích 1965 m2 và cháu ngoại Nguyễn Văn Thành 546 m2. Anh G và anh Th

đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại anh Nguyễn Văn Th đang sử dụng đúng diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào năm 2018 anh Th trồng cây lên đất được ông Ph, bà V tặng cho thì bà S đứng ra ngăn cản, đôi bên xảy ra tranh chấp. Phía bà S cho rằng anh Th lấn chiếm phần đất chiều ngang 3,8m, chiều dài 40m của gia đình bà. Hội đồng xét xử nhận thấy phần đất đang tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn Th, đất này anh Th được ông bà ngoại là ông Ph, bà V tặng cho nên anh Th không có hành vi lấn chiếm đất của gia đình bà S; quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn Th thì các hộ giáp danh đều ký xác nhận, trong đó đại diện gia đình bà S là ông Đỗ Á(chồng bà S) ký xác nhận giáp danh; Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ thì bà S chỉ dẫn không trùng khớp với danh giới diện tích đất mà gia đình bà đang sử dụng(lấn sang đất hộ ông Phạm Văn Tám khoảng 05m chiều ngang); Người làm chứng ông Lê Vũ T khẳng định diện tích đất hiện nay đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Ph, bà V trước đây cho ông mượn để canh tác làm hoa màu, sau này không có nhu cầu sử dụng ông đã trả lại cho gia đình ông Ph, bà V; Ông Đỗ Á(chồng bà S) trong quá trình giải quyết vụ án trình bày thời kỳ 17/4/2015 và 28/7/2017 hai mặt Bắc(Giáp hộ ông Đỗ Minh Ph, bà Nguyễn Thị V, Nam(Giáp hộ ông Phạm Văn Tám) của gia đình nguyên đơn Phạm Thị S, địa chính xã Luận Thành và UBND huyện Thường Xuân đã cấp chồng lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ số 532, thửa số 149(S) của gia đình ông. Như vậy ông Đỗ Á cho rằng diện tích đất của gia đình ông bị thiếu đi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 149(s), tờ bản đồ số 532 cấp năm 2002 là do UBND huyện Thường Xuân cấp chồng lấn sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Văn Th và ông Phạm Văn T. Như vậy quan điểm của ông Đỗ Á là không thống nhất lúc thì cho rằng anh Nguyễn Văn Th lấn chiếm 152 m2 đất lâm nghiệp của gia đình ông, lúc thì cho rằng diện tích đất của gia đình bị thiếu hụt đi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cấp chồng lấn sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Văn Th và ông Phạm Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án bà S cũng không chứng minh được anh Nguyễn Văn Th có hành vi lấn chiếm đất của gia đình bà, bà cũng cho rằng đất trước đây gia đình bà được cấp không đo đạc cụ thể, chỉ đến đâu thì làm giấy tờ đến đó. Hiện tại sơ đồ thửa đất của gia đình bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2002 chỉ thể hiện tổng diện tích là 2000 m2, chứ không thể hiện chiều dài của các cạnh; mặt tiền(giáp đường liên thôn) đất tranh chấp gia đình bà S đang sử dụng là 27,7 m phù hợp với số liệu đo đạc năm 2016(27,21 m). Do đó bà Phạm Thị S yêu cầu anh Nguyễn Văn Th trả lại phần đất với diện tích chiều ngang 3,8 m, chiều dài 40m là không có cơ sở. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S về yêu cầu anh Nguyễn Văn Th trả lại 152 m2(Chiều ngang 3,8 m, chiều dài 40 m).

[3] Do yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S không được chấp nhận nên bà Phạm Thị S phải chịu chi phí đo đạc là 2.600.000đ. Bà S đã nộp xong.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 50.000.000đ x 5% = 2.500.000đ(Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị S về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn Th trả lại diện tích đất 152 m2(chiều ngang 3,8 m, chiều dài 40m) tại thôn TH 1, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Bà Phạm Thị S phải chịu 2.500.000đ(Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ đi 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà Phạm Thị S đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004926 ngày 08/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân. Bà Phạm Thị S còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí còn lại là: 1.250.000đ(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các đượng sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Sỹ H